

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản
đợt 1 (tháng 6 năm 2022) tại Hội đồng thi Trung tâm CNTT&TT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định 03/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-ĐHHĐ ngày 08/06/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cho Trung tâm Công nghệ thông tin Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-ĐHHĐ ngày 11/06/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về ban hành Quy định tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-TTCNTTHĐ ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Hội đồng thi kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản đợt 1 (tháng 6 năm 2022);

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm CNTT&TT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 58 (năm mươi tám) thí sinh đạt yêu cầu trong kì thi cấp chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản tại Trung tâm CNTT&TT tổ chức ngày 01 tháng 6 năm 2022: (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm CNTT&TT, các trưởng đơn vị liên quan và thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);

- Lưu: VT, TT CNTT&TT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Nam

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 6 năm 2022

DANH SÁCH

Thí sinh đạt yêu cầu kì thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản

Ngày thi 11/06/2022

(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-ĐHHD ngày 11 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	
				Trắc nghiệm	Thực hành
1	221106001	Đinh Thị Mai Anh	10/11/2000	7.0	6.5
2	221106002	Lê Thị Phương Anh	19/05/2000	9.0	7.5
3	221106003	Trần Văn Anh	13/07/2000	9.0	7.0
4	221106004	Lê Thị Kim Chi	29/03/1987	9.0	6.0
5	221106005	Vũ Lê Chi	06/11/2000	7.0	7.0
6	221106006	Trần Phong Đạt	16/08/2005	6.5	7.0
7	221106007	Nguyễn Thị Huyền Diệu	02/09/2000	8.5	7.0
8	221106008	Đỗ Thị Ngọc Dung	16/09/1994	9.0	6.5
9	221106009	Nguyễn Hoàng Dũng	10/05/1992	8.0	7.0
10	221106010	Phạm Văn Dũng	06/07/2000	9.0	7.0
11	221106011	Lê Nam Dương	23/03/1993	8.0	7.5
12	221106012	Phạm Đức Dương	28/12/2000	9.0	7.0
13	221106013	Lê Thị Hương Giang	17/08/2000	7.5	7.5
14	221106014	Hoàng Thị Hà	18/07/1974	8.0	5.0
15	221106015	Nguyễn Thị Hằng	25/01/2002	9.0	7.5
16	221106016	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/10/2001	5.5	6.5
17	221106017	Trịnh Thị Hạnh	02/05/2000	8.0	6.5
18	221106018	Lê Thị Hiền	28/03/2000	8.0	7.0
19	221106019	Nguyễn Thị Hương	04/11/1973	8.0	6.5
20	221106020	Nguyễn Thị Mai Hương	30/11/1977	8.0	6.5
21	221106021	Vũ Nguyễn Mai Hương	27/02/2000	8.0	6.5
22	221106022	Trần Thị Hường	25/10/1992	8.5	6.5
23	221106023	Cao Khánh Huyền	24/09/2000	8.5	5.5
24	221106024	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/04/2000	7.5	8.0
25	221106025	Phạm Thị Huyền	25/08/2000	7.0	7.0
26	221106026	Trần Thị Thanh Huyền	12/12/2000	7.0	7.0
27	221106027	Triệu Thị Thuý Kiều	25/05/2000	9.0	7.0
28	221106028	Nguyễn Thị Lê	29/07/2000	9.0	7.0
29	221106029	Vi Thị Lệ	08/07/1998	8.0	8.5
30	221106030	Hoàng Thị Linh	20/10/1998	9.0	9.5
31	221106031	Hoàng Thị Linh	06/07/1999	8.5	6.5

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	
				Trắc nghiệm	Thực hành
32	221106032	Khương Thị Mai Linh	19/03/2001	6.0	6.5
33	221106033	Lê Thị Thuỳ Linh	08/06/2000	7.0	9.0
34	221106034	Nguyễn Mai Linh	13/07/2000	9.5	8.5
35	221106035	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	17/05/1997	9.0	7.5
36	221106036	Lưu Huy Lương	28/06/1983	8.5	8.5
37	221106037	Phạm Hương Ly	13/07/1999	8.0	7.0
38	221106038	Phạm Thị Lý	08/10/1991	6.0	7.5
39	221106039	Trịnh Thị Trà Mi	30/10/2000	7.0	6.5
40	221106040	Bùi Văn Miễn	21/02/1991	6.0	7.0
41	221106041	Trần Thị Ngân	28/12/1990	6.0	7.0
42	221106042	Nguyễn Tài Phan	20/01/1973	8.0	9.5
43	221106043	Nguyễn Văn Phúc	25/07/2000	8.5	9.0
44	221106044	Lê Thị Quỳnh	10/12/2000	8.0	7.0
45	221106045	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	30/08/2000	6.0	6.5
46	221106046	Phạm Thị Thắm	23/10/2001	6.5	5.5
47	221106048	Nguyễn Thị Phương Thanh	08/09/1998	8.0	6.0
48	221106049	Lâm Thị Thu Thảo	01/01/2000	9.0	10
49	221106050	Mai Thị Thảo	05/02/1988	5.5	6.5
50	221106051	Trịnh Nguyên Thảo	08/03/1998	6.5	7.5
51	221106052	Đoàn Thị Thư	11/09/1989	6.0	6.5
52	221106053	Phạm Thị Thư	31/07/1979	6.5	7.0
53	221106055	Vũ Thị Thuỷ	26/10/2000	6.5	7.0
54	221106056	Ngân Huyền Trang	16/05/1997	6.5	6.5
55	221106057	Đào Văn Tuyên	18/03/1980	6.0	5.5
56	221106058	Trịnh Thị Ánh Tuyết	28/10/2000	6.0	7.5
57	221106059	Mai Kiều Oanh	07/11/2000	8.0	8.0
58	221106060	Nguyễn Thị Nhung	24/09/1997	9.5	6.0

Ấn định danh sách có 58 thí sinh ./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



★ Hoàng Nam